

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2024

“*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải, ông Y Dhiểu Hmok.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Hồ Thị Thu Nguyên – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thanh H**, sinh năm 1986 – Có mặt

Bị đơn: Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1984 – Vắng mặt

Cùng địa chỉ: **Số A N, tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Lê Thị Thanh H** trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông **Lê Văn V** sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại **UBND phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk** vào ngày 16/7/2012. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng

từ đầu năm 2024 đến nay thì hai chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi nhau thường xuyên, vì nguyên do nhỏ nhặt do không cùng quan điểm sống, nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chúng tôi đã sống ly thân. Nay tôi nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông **V**.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu **Lê Bảo N**, sinh ngày 28/8/2016 và cháu **Lê Bảo C**, sinh ngày 21/9/2012. Khi ly hôn bà **H** đề nghị Tòa án giao cháu **C** cho ông **V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên. Giao cháu **N** cho bà **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Bà **H** và ông **V** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết bị đơn ông **Lê Văn V** trình bày: Tôi hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của bà **H**. Cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà **H** chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại **UBND phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk** vào ngày 16/7/2012. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì hai chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi nhau thường xuyên, vì nguyên do nhỏ nhặt do không ai chịu nhường nhịn, tôn trọng nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà **H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn, tôi đồng ý ly hôn với bà **H**.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu **Lê Bảo N**, sinh ngày 28/8/2016 và cháu **Lê Bảo C**, sinh ngày 21/9/2012. Khi ly hôn ông **V** đề nghị Tòa án giao cháu **C** cho ông **V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên. Giao cháu **N** cho bà **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Ông **V** và bà **H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà **Lê Thị Thanh H** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 13-3-2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 22-3-2024, Tòa án Thông báo nộp tạm ứng án phí; cùng ngày nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp về con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn ông **Lê Văn V** vắng mặt đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà **Lê Thị Thanh H** và ông **Lê Văn V** là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống bà **Lê Thị Thanh H** xác định vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày thường xuyên bất đồng quan điểm và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà **Lê Thị Thanh H** và ông **Lê Văn V** thì địa phương cung cấp quá trình sống tại địa phương giữa bà **Lê Thị Thanh H** và ông **Lê Văn V** khi phát sinh mâu thuẫn không ai trình báo với chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được, nhưng hiện tại bà **Lê Thị Thanh H** và ông **Lê Văn V** đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà **Lê Thị Thanh H** và ông **Lê Văn V** đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà **Lê Thị Thanh H** ly hôn ông **Lê Văn V** là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là cháu **Lê Bảo N**, sinh ngày 28/8/2016 và cháu **Lê Bảo C**, sinh ngày 21/9/2012. Xét bà **H** có nguyện vọng nuôi cháu **N** và cháu **N** cũng có nguyện vọng sống với bà **H**. Ông **V** có nguyện vọng nuôi cháu **C** và cháu **C** cũng có nguyện vọng sống với ông **V**,

nên HĐXX xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của bà Lê Thị Thanh H và ông Lê Văn V là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Bà Lê Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn ông Lê Văn V không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị Thanh H được ly hôn với ông Lê Văn V.

2. **Về con chung:**

- Giao con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 28/8/2016 cho bà Lê Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Giao con chung là cháu Lê Bảo C, sinh ngày 21/9/2012 cho ông Lê Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Lê Văn V và bà Lê Thị Thanh H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ chung:** Bà Lê Thị Thanh H và ông Lê Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0001408 ngày 22-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Bị đơn ông Lê Văn V không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã P. A;
- Các đương sự;
- Lưu vph, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Kim Chung